

Số: 81/2022/QĐST-HNGĐ

Đống Đa, ngày 24 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: **Ông N. S. T.**, sinh năm: 1957;

Bị đơn: **Bà P. T. K. L.**, sinh năm: 1967;

Cùng hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 10, ngách 42, ngõ T. Phong, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông N. S. T. và bà P. T. K. L..

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Xác nhận ông T. và bà L. có 01 con chung: N. K. B. H. (nữ), sinh ngày 26/12/2003; Con chung đã đủ tuổi trưởng thành, việc ở với ai do con chung tự quyết định, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Xác nhận căn nhà 05 tầng và 01 tum xây dựng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa đất số 278, tờ bản đồ số 7H-III-19 (Chủ sử dụng nhà ở và sử dụng đất ở: ông N. S. T.) tại địa chỉ số 10, ngách 42, ngõ T. P., phường Q. T. G., quận Đ. Đ., thành phố H. N. là tài sản chung của vợ chồng. Theo biên bản định giá ngày 15/11/2021 và ngày 16/11/2021, căn nhà nêu trên có giá trị xây dựng là:

1.438.150.320 đồng. Ly hôn, ông T. và bà L. thỏa thuận: Căn nhà nêu trên thuộc toàn quyền sở hữu riêng của ông N. S. T. và ông T. có trách nhiệm thanh toán cho bà L. số tiền là: 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Thời điểm thanh toán chậm nhất là ngày 24/01/2022. Kể từ thời điểm ông T. thanh toán đủ cho bà L. số tiền nêu trên thì quyền lợi của bà L. đối với nhà đất tại địa chỉ số 10, ngách 42, ngõ T. P., phường Q. T. G., quận Đ. Đ., thành phố H. N. chấm dứt, bà L. phải di dời khỏi nhà đất trên và tự lo tìm chỗ ở sau khi ly hôn.

Trường hợp hết ngày 24/01/2022, ông N. S. T. không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền trên cho bà P. T. K. L. thì bà L. có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án buộc ông T. phải thi hành khoản tiền trên cho bà.

- Về nợ chung: Ông T. và bà L. xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. Về án phí:

2.1. Án phí ly hôn: Ông T. và bà L., mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Ông T. tự nguyện chịu cả tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm giải quyết yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T. đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015529 ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

2.2. Án phí chia tài sản chung vợ chồng: Ông T. có đơn xin miễn nộp án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp án phí chia tài sản chung vợ chồng cho ông N. S. T.. Bà L. phải chịu 13.420.417đ (Mười ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng) án phí Hôn nhân gia đình về chia tài sản chung vợ chồng (chưa nộp).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tú